



Xíng tái

邢台

noun · Xingtai (city in Hebei Province)

Example Sentence

Xíng tái shì Hé běi shěng de yí gè chéng shì.
邢台是河北省的一个城市。

Xingtai is a city in Hebei Province.

Trace each character, then write the word on your own.

邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢											
台	台	台	台	台	台	台	台												